TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/10/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hằng

2. Bà Trần Thị Kim Quân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Hiện trú tại: Số 21 AGIAS PARA KEVIS 2002 SIROVOLOS NTCOSIA CYRUS (Đảo Síp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà A có tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/1986 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng ông sinh được 03 người con là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 và anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999. Các con của ông bà đều đã thành niên, khỏe mạnh, cháu gái lớn có gia đình riêng, 02 con trai chưa ai lập gia đình. Năm 2007 địa phương có phong trào đi xuất khẩu lao động, gia đình ông bà đã

thống nhất để bà A làm hồ sơ xin đi lao động (giúp việc) để phát triển kinh tế gia đình. Ngày 10/7/2007 bà A đã xuất khẩu lao động nước ngoài (Đảo Síp) làm việc. Thời gian đầu, đi lao động được 03 năm bà A được về phép thăm nhà 01 tháng. Sau lần đó, bà A lại tiếp tục quay lại lao động bên nước ngoài đến nay và không quan tâm gì đến chồng con ở nhà. Nay do khoảng cách địa lý, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn chuyện trò và không tin tưởng với nhau nữa. Hiện tại vợ chồng ông bà ly thân được hơn 10 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị A.

Về con chung: Do các con của ông, bà đã thành niên nên khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Ông không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra ông C còn cam kết tất cả nhà đất mang tên vợ chồng ông bà tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh sẽ để lại cho các con.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị A có gửi ý kiến đến Tòa án trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 cùng thôn có tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/1986 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Ông bà đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống ông bà sinh được ba người con đúng như ông C đã trình bày. Từ năm 2000 vợ chồng ông bà vào Sài Gòn kinh doanh bán cà phê thì cuộc hôn nhân giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, ông C thường chửi bới bà, đánh bà rất vũ phu, đuổi bà đi phu hồ kiếm sống. Từ đó ông bà sống ly thân, được thời gian bà về quê đi buôn bán hoa quả lấy tiền nuôi con. Thời gian sau thì ông C cũng sang nhượng lại quán và về quê, vợ chồng bà sống ly thân. Năm 2007 địa phương có phong trào đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, bà đã bàn bạc với các thành viên trong gia đình, tự đứng ra vay mượn tiền lo cho môi giới nhưng ông C không lo cho bà đồng nào, đồng thời bà có nhờ mẹ chồng trông các cháu cho bà để bà đi lao động bên Đảo Síp. Đến năm 2010 bà về phép thăm gia đình 01 tháng và có mang tiền về để mua đất. Hết nghỉ phép bà lại sang Đảo Síp làm việc, ông C vận động bà gửi tiền về để xây nhà kết hợp để kinh doanh nhà nghỉ thì bà lại đứng ra vay mượn bạn bè gửi tiền về cho ông C làm nhà, còn bà bên này đi làm trả dần. Trước khi bà đi lao động bà chỉ mong có tiền mua đất làm nhà cho vợ chồng con cái ở, không phải đi ở nhờ nhà bà nội. Nhưng khi làm nhà song, ông C lại quay trở mặt với bà, ông cặp kè hết cô này cô kia như vợ chồng tại nhà bà, luôn đe dọa giết chết bà, các con cũng không được ở đó và không quan tâm đến chúng, để các con bà phải lang thang bữa ăn bữa nhịn. Bà cho rằng ông C là người không có đạo đức, sống không có tình cảm với gia đình và hàng xóm. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông C muốn ly hôn thì quan điểm của bà là hoàn toàn đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung: Do các con của ông bà đã thành niên nên khi ly hôn bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, để khi nào bà về Việt Nam bà sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra bà còn trình bày: Do hiện nay bà đang làm việc bên Đảo Síp nên không có điều kiện để về nước trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được, bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tạo điều kiện giải quyết vắng mặt bà trong vụ án này.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị A. Ông tự nguyện chịu án phí theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C, bà A là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông C là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C. Cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Nguyễn Thị A. Về con chung, tài sản chung, công nợ đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị A địa chỉ tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, hiện bà A đang cư trú tại Đảo Síp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành thông báo cho bà A biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn giữa ông C với bà A. Trong văn bản trả lời của bà A gửi cho Tòa án, bà xác nhận đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng do đang lao động tại nước ngoài nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết, xét xử vắng mặt bà A theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C, bà A kết hôn vào ngày 15/12/1986 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn ông, bà được tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, ông C và bà A chung sống với nhau tại thôn T, xã B, huyện G. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng từ năm 2000 giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng.Thời điểm phát sinh mâu thuẫn trầm trọng xảy ra vào năm 2007 khi bà A đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp. Ông C cho rằng bà A đi lao động nước ngoài không gửi tiền về, không quan tâm gì đến chồng con ở nhà. Còn bà A lại cho rằng ông C là người tệ bạc, không có tình cảm, không quan tâm đến con cái, ngoài ra ông C còn có mối quan hệ nam nữ không lành mạnh. Cả ông C và bà A đều xác nhận ông bà đã ly thân từ lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục cuộc hôn nhân sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả ông C và bà A đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C, cho ông C ly hôn bà A là phù hợp pháp luật.

Về nuôi dưỡng con chung: Do các con chung của ông C và bà A đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Cả ông C và bà A đều không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 39, 146, 147, 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử***:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, Xác nhận ông C đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu số 0004447 ngày 23/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Tuấn Anh
(Đã ký)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …..giờ…..phút, ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hằng và bà Trần Thị Kim Quân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 182019/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Cử

Địa chỉ: Thôn Tân Hương, xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh

Hiện trú tại: Số 21 AGIAS PARA KEVIS 2002 SIROVOLOS NTCOSIA CYRUS (Đảo Síp).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 39, 146, 147, 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử***:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Cử và bà Nguyễn Thị Ánh.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Cử phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, Xác nhận ông Cử đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu số 0004447 ngày 23/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ .... phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Quân **Vũ Thị Hằng** **Hoàng Tuấn Anh**